TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16-01-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Giáp Thanh Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Hòa;

Ông Lương Văn Thắng.

-***Thư ký phiên toà*:** Bà Lý Thị Slỉnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Hứa Thế Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 165/2022/TLST - HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022; Thông báo chuyển ngày xét xử số 01/ TB-TA ngày 29-12-2022; quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05-01-2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lô Thị N, sinh năm 1998; hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lộc Văn K, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Tô Thị T, sinh năm 1963, nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-10-2022, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lô Thị N trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị Lô Thị N và anh Lộc Văn K được tự do tìm hiểu, yêu nhau khoảng 01 năm, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 19-9-2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống cùng với bố mẹ chồng tại Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đến tháng 7-2022. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn lớn, đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, chửi nhau, anh Lộc Văn K đã nhiều lần muốn ly hôn với chị Lô Thị N nhưng vì con còn nhỏ nên chị N nhẫn nhịn. Tháng 7-2022 vợ chồng cãi nhau và anh K có đánh chị N do không thống nhất được về chuyện tiền bạc. Sau khi anh K đánh chị thì chị vẫn sống cùng anh K khoảng 2-3 ngày sau đó chuyển đi ở nơi khác, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân không ai có hành động gì hàn gắn tình cảm vợ chồng, có nhắn tin liên lạc bằng điện thoại cũng chỉ hỏi thăm con cái, chị N cũng không về nhà anh K nữa, chỉ về 01 lần để thăm các con. Hiện nay chị N đã về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ tại thôn P, xã T. Chị Lô Thị N có nói cho anh K về việc làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng anh K nói là "nếu em muốn ra tòa giải quyết thì em tự đi". Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lộc Nhất A, sinh ngày 04-8-2016 và Lộc Thúy N, sinh ngày 13-11-2018, hiện đang sinh sống cùng với anh Lộc Văn K. Khi ly hôn chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lộc Thúy N; anh Lộc Văn K được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lộc Nhất A cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Khi được quyền nuôi con trước mắt mẹ con chị sẽ về chung sống với bố mẹ đẻ, bố mẹ đẻ chị có nhà cửa ổn định, thu nhập do làm nông, ông bà sẽ hỗ trợ giúp đỡ, tạo mọi điều kiện cùng chị chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Lộc Thúy N đến trưởng thành. Trường hợp nếu anh Lộc Văn K yêu cầu nuôi cả 02 con thì chị N nhất trí. Hiện chị đang đi làm công nhân tại Bắc Giang, thu nhập bình quân từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng. Chị đi làm nhưng vẫn về nhà thường xuyên. Chị Lô Thị N sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/ tháng/ 02 con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Phía bị đơn anh Lộc Văn K đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bà Tô Thị T (mẹ đẻ) đã liên lạc thông báo cho anh Lộc Văn K biết, anh Lộc Văn K không chấp hành theo Giấy triệu tập của Toà án. Toà án phải tống đạt các văn bản tố tụng tiếp theo cho mẹ đẻ là bà Tô Thị T nhận và đã cam kết giao lại cho anh Lộc Văn K nhưng anh Lộc Văn K đều vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng bà Hoàng Thị N có mặt tại phiên tòa trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Lô Thị N. Hai con kết hôn với nhau từ năm 2016, thời gian đầu vợ chồng không có mâu thuẫn gì đến tháng 6,7-2022 thì bà biết vợ chồng chị N và

anh K có mâu thuẫn, nghe con gái nói là cãi nhau và có đánh nhau. Có lần anh K gọi điện cho bà, bà có nói chuyện nhưng anh K không thừa nhận việc đánh chị N, sau đó bà có gọi cho anh K nhưng anh K không nghe điện thoại nữa. Bà cũng đã khuyên giải để hai vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không được, nay chị N yêu cầu ly hôn bà không có ý kiến gì mọi việc do chị N tự quyết định. Về con chung: Có 02 con chung, trường hợp chị N được nuôi cháu Lộc Thúy N thì bà sẽ hỗ trợ 02 mẹ con về chỗ ăn, ở, hỗ trợ Nguyệt chăm sóc, đưa đón cháu đi học đầy đủ. Về tài sản chung và nợ chung: Bà không thấy vợ chồng có tài sản chung gì và không thấy nợ ai.

Người làm chứng bà Tô Thị T vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong hồ sơ thể hiện: Bà là mẹ đẻ của anh Lộc Văn K. Anh Lộc Văn K và chị Lô Thị N kết hôn năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng K, N sống cùng gia đình bà tại Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi Nguyệt sinh con thứ 2 (cháu Lộc Thúy N) được 15 tháng thì đi làm công ty đến nay. Quá trình chung sống bà không thấy vợ chồng các con có mâu thuẫn đến khi có giấy triệu tập của Tòa án mới biết là chị N yêu cầu ly hôn. Bản thân bà cũng không có mâu thuẫn hay lời nói gì xúc phạm con dâu. Từ tháng 7/2022 chị N đi làm công ty, vẫn về nhà 1-2 lần nhưng không ngủ ở nhà bà nữa, chị N về thăm con và đi luôn, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Bà cũng không liên lạc với chị N, cũng không khuyên giải gì về việc hàn gắn tình cảm cho hai vợ chồng Nguyệt và Kim.

Bà đã nhận được Thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Tòa án, đã gọi điện cho con trai nhưng anh K hiện nay đi làm ăn xa không thể về tham gia giải quyết tại Tòa án được. Anh Lộc Văn K có nói lại với bà là "Đồng ý ly hôn với chị Lô Thị N nhưng không chấp nhận để chị N nuôi con chung là Lộc Thúy N". Anh K đi làm ăn xa vẫn gọi điện thoại về nhà thường xuyên hỏi thăm gia đình và nói chuyện với các con.

Vợ chồng anh Lộc Văn K và chị Lô Thị N có 02 con chung là cháu Lộc Nhất A và cháu Lộc Thúy N. Hiện nay các cháu đang sống với gia đình bà. Anh K đi làm ăn xa hàng tháng vẫn gửi tiền về cho bà để cho các cháu ăn học, tùy từng thu nhập hàng tháng mà anh K gửi tiền về có tháng ít có tháng nhiều. Từ tháng 7/2022 đến nay chị N chỉ chu cấp cho các cháu 01 lần số tiền 2.000.000 đồng. Hiện nay anh K không có tài sản riêng, nhà cửa riêng, toàn bộ đất đai nhà cửa hiện nay vẫn do ông bà quản lý. Anh K không thể về tham gia giải quyết tại Tòa án được nhưng có nói lại với bà là đồng ý ly hôn và yêu cầu nuôi cả 02 con, yêu cầu chị Lô Thị N cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Trường hợp nếu anh K nuôi con gia đình sẽ hỗ trợ về chỗ ăn, ở cho anh K và các cháu. Gia đình bà có nhà cửa, đất đai rộng, ông bà còn sức khỏe vẫn hỗ trợ anh K chăm sóc, đưa đón các cháu đi học đầy đủ. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tham gia tố tụng

đầy đủ, bị đơn anh Lộc Văn K không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do, không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chị Lô Thị N và anh Lộc Văn K kết hôn có đăng ký theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau, đã sống ly thân từ tháng 7-2022 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Lô Thị N được ly hôn anh Lộc Văn K. Về con chung: Chị Lô Thị N đồng ý cho anh Lộc Văn K là người tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 02 con, hiện nay 02 cháu đang sống cùng với anh Lộc Văn K và ông bà nội từ nhỏ đến nay và các cháu đang học tập ổn định, anh Lộc Văn K tuy vắng mặt nhưng có yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Lộc Văn K yêu cầu chị Lô Thị N cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/ 01 tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, tại phiên tòa chị Lô Thị N nhất trí với mức cấp dưỡng trên là phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho anh Lộc Văn K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Lô Thị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí chị Lô Thị N phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết Ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn anh Lộc Văn K, cư trú tại Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lộc Văn K đã được tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Tòa án phải tống đạt các văn bản tố tụng thông qua bà Tô Thị T (mẹ đẻ của anh Lộc Văn K) nhận và cam kết giao cho anh Lộc Văn K. Tại phiên toà bị đơn anh Lộc Văn K vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Người làm chứng bà Tô Thị T vắng mặt, hồ sơ thể hiện họ đã có lời khai. Xét thấy việc vắng mặt của bị đơn, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Thị N và anh Lộc Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc hay bị lừa dối, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 19-9-2016, hôn nhân này là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lô Thị N xác định vợ chồng có mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 7-2022 đến nay và không còn tình cảm với nhau đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn. Phía bị đơn anh Lộc Văn K vắng mặt kể từ thời điểm Toà án thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Anh Lộc Văn K khi được gia đình báo tin đã có ý kiến với mẹ đẻ là do bận làm việc ở xa không về Toà án để giải quyết và nói mọi việc do Tòa án giải quyết. Lời khai của những người làm chứng cho biết anh chị đã có mâu thuẫn, đã sống ly thân và khó có thể hàn gắn đoàn tụ được. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lô Thị N được ly hôn anh Lộc Văn K là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là Lộc Nhất A, sinh ngày 04-8-2016 và Lộc Thúy N, sinh ngày 13-11-2018. Khi ly hôn chị Lô Thị N nhất trí để anh Lộc Văn K chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho tới khi các con đủ 18 tuổi, chị Lô Thị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án anh Lộc Văn K vắng mặt nhưng đã có ý kiến lại với mẹ đẻ là bà Tô Thị T là anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con, yêu cầu chị Lô Thị N phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị Lô Thị N nhất trí cho anh Lộc Văn K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 cháu Lộc Nhất A và Lộc Thúy N cho anh Lộc Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với ý kiến của các đương sự, người làm chứng. Về cấp dưỡng nuôi con tuy anh Lộc Văn K vắng mặt nhưng có yêu cầu chị Lô Thị N phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa chị Lô Thị N đồng ý với mức cấp dưỡng trên. Xét thấy mức cấp dưỡng trên phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa đưa ra là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Lô Thị N phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110; 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lô Thị N được ly hôn anh Lộc Văn K.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 36, ngày 19-9-2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Giao các cháu Lộc Nhất A, sinh ngày 04-8-2016 và Lộc Thúy N, sinh ngày 13-11-2018 cho anh Lộc Văn K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Lô Thị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Lô Thị N chịu lãi suất chậm trả nếu chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chị Lô Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lô Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền án phí chị Lô Thị N phải nộp là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng. Xác nhận chị Lô Thị N đã nộp số tiền án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005213 ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Chị Lô Thị N phải nộp thêm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình;
- CCTHADS huyện L;
- UBND xã T, huyện Lộc Bình;
- Đương sự……..;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giáp Thanh Long